

~~1977~~  
Lào

H I E P   Đ I N H

Về Quy chế Biên giới Quốc gia  
giữa

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
và  
Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào

-----

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ;

Căn cứ Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 18 tháng 7 năm 1977 ;

Căn cứ Hiệp ước Hoạch định Biên giới Quốc gia giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 18 tháng 7 năm 1977 và Hiệp ước Bổ sung Hiệp ước Hoạch định Biên giới Quốc gia giữa hai nước ký ngày 24 tháng 01 năm 1986 ;

Với lòng mong muốn không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trên cơ sở những nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác về mọi mặt theo nguyên tắc cùng có lợi và hết lòng giúp đỡ nhau ;

Để xây dựng biên giới hữu nghị lâu dài giữa hai nước, góp phần bảo vệ an ninh biên giới, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân hai nước và tạo thuận lợi cho việc sinh sống của nhân dân hai nước biên giới ;

Đã quyết định ký Hiệp định về Quy chế Biên giới Quốc gia giữa hai nước và cử đại diện toàn quyền ký Hiệp định này :

Hội đồng Bộ trưởng Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cử đồng chí Nguyễn Cơ Thạch, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ;

Hội đồng Bộ trưởng Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũ  
đồng chí Phun xi-pe-wót, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Chương thư nhất

VIỆC BAO VỆ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VÀ CÁC MỐC QUỐC GIỚI

Điều 1

a) Đường biên giới quốc gia giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được qui định bởi Hiệp ước hoạch định Biên giới Quốc gia giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 18 tháng 7 năm 1977 và Hiệp ước Bổ sung ký ngày 24 tháng 01 năm 1986 cùng các văn bản, phụ lục, tài liệu, bản đồ, sơ đồ về phân giới trên thực địa và cắm mốc kèm theo các Hiệp ước nói trên, bao gồm :

- Nghị định thư ký ngày 24 tháng 01 năm 1986 và Nghị định thư bổ sung ký ngày 16 tháng 10 năm 1987.

- Các biên bản phân giới và cắm mốc trên thực địa các đoạn biên giới đã miêu tả toàn bộ đường biên giới Việt Nam - Lào.

- Các biên bản cắm mốc trên thực địa đã miêu tả từng mốc quốc giới.

- Các mảng sơ đồ đường biên giới Việt Nam - Lào tỷ lệ 1/25.000 đã vẽ toàn bộ đường biên giới Việt Nam - Lào.

- Các sơ đồ vị trí mốc quốc giới tỷ lệ 1/5000 và tỷ lệ 1/10.000 vẽ vị trí từng mốc quốc giới.

- Các ảnh của từng mốc quốc giới.

b) Đường biên giới nói ở khoản a) điều này cũng là đường dùng để phân ranh giới vùng trời và lòng đất giữa hai nước vạch theo hướng thẳng đứng.

Điều 2

Hai Bên ký kết có nhiệm vụ bảo vệ tôn trọng đường biên giới giữa hai nước, bảo vệ toàn bộ hệ thống mốc quốc giới giữa hai nước.

Việc giải quyết vấn đề đường biên giới thuộc thẩm quyền của cơ quan Nhà nước cao nhất. Các Bộ, các ngành và các địa phương của hai Bên không được phép thỏa thuận như bất kỳ sự sửa đổi nào về đường biên giới, nếu có những thỏa thuận như vậy thì những thỏa thuận đó hoàn toàn không có giá trị và phải hủy bỏ.

Điều 3

Hai Bên ký kết phân công bảo quản các mốc quốc giới giữa hai nước như sau :

a) Các mốc quốc giới đặt trên lãnh thổ Bên nào thì Bên đó chịu trách nhiệm bảo quản (Phụ lục 1).

b) Các mốc quốc giới đặt trên chính tâm đường biên giới được phân công như sau (Phụ lục 2) :

- Bên Việt Nam chịu trách nhiệm đối với các mốc số chẵn.

- Bên Lào chịu trách nhiệm đối với các mốc số lẻ.

Nếu vì địa hình hiểm trở một Bên không đi tới được mốc mình được phân công phụ trách thì có thể giao cho Bên kia bảo quản thay theo sự thỏa thuận của hai Bên.

c) Nếu cần thiết, hai Bên ký kết sẽ cùng nhau thỏa thuận điều chỉnh sự phân công nói trên.

Điều 4

Ở những nơi có điều kiện thuận lợi, mỗi Bên phát quang xung quanh mốc quốc giới do Bên mình phụ trách để dễ nhận thấy.

Ở nơi nào cần thiết và có điều kiện thuận lợi, hai Bên ký kết phát quang dọc theo biên giới sâu vào lãnh thổ mỗi Bên 5 mét (năm mét), dải phát quang này không phải là đường biên giới.

#### Điều 5

Nội dung công tác bảo quản các mốc quốc giới là : giữ cho vị trí, loại mốc, hình dáng, kích thước, ký hiệu, chữ và màu sắc của mốc quốc giới đúng với quy cách mà Ủy ban liên hợp đã thỏa thuận trong các văn kiện về phân giới và cắm mốc.

#### Điều 6

a) Hai Bên ký kết cùng khôi phục, sửa chữa mốc quốc giới hoặc phân công một Bên khôi phục, sửa chữa với sự có mặt của đại diện Bên kia.

Đối với mốc bị phá hoại hoặc hư hại, sau khi khôi phục hoặc sửa chữa xong hai Bên chụp lại ảnh mốc và làm biên bản xác nhận sự khôi phục hoặc sửa chữa đó.

b) Nếu vì lý do địa hình thực tế không thể làm lại mốc quốc giới ở vị trí cũ thì đội kiểm tra liên hợp cần đề nghị vị trí mới và chỉ được tiến hành xây dựng ở vị trí mới sau khi Chính phủ của hai Bên chuẩn y.

Việc xây dựng lại mốc quốc giới phải tiến hành đúng theo Điều 5 Hiệp định này và không được làm thay đổi đường biên giới. Nếu xây dựng lại mốc ở vị trí cũ thì ghi ký hiệu và chữ đúng như mốc cũ, nếu xây dựng mốc ở vị trí mới thì ghi năm xây dựng mới ở mặt mốc.

Sau khi xây dựng xong phải làm biên bản, vẽ sơ đồ vị trí và chụp ảnh mốc quốc giới theo thể thức mà Ủy ban liên hợp đã quy định.

c) Khi có cơ sở xác định rõ ràng mốc quốc giới bị công dân một Bên phá hoại hoặc làm hư hại Bên đó phải chịu toàn bộ phí tổn về việc khôi phục hoặc sửa chữa mốc quốc giới đó; trường hợp do nguyên nhân khách quan thì kinh phí do hai Bên cùng chịu.

#### Điều 7

Mỗi Bên tổ chức tuần tra để bảo vệ biên giới và bảo quản các mốc quốc giới mà mình phụ trách. Đường tuần tra ở trên lãnh thổ bên mình.

Khi phát hiện mốc quốc giới có hiện tượng khác thường hoặc bị mất, Bên phát hiện cần thông báo ngay cho Bên kia để cùng kiểm tra xác nhận, làm biên bản và báo cáo lên cấp trên của mình.

#### Điều 8

Khi cần thiết, hai Bên tổ chức các đội kiểm tra liên hợp để tiến hành kiểm tra song phương đường biên giới hoặc các mốc quốc giới.

Biên bản kiểm tra song phương làm thành hai bản, mỗi bản bằng hai thứ tiếng Việt Nam và Lào, có chữ ký của đội trưởng đội kiểm tra và cán bộ kỹ thuật hai Bên nếu có.

#### Điều 9

a) Hai Bên ký kết thường xuyên tiến hành việc tuyên truyền giáo dục công dân ở dọc biên giới nước mình tham gia bảo vệ các mốc quốc giới và hết sức giúp đỡ các lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra biên giới.

b) Mỗi Bên ký kết xử lý theo pháp luật của nước mình những người cư trú trên lãnh thổ mình đã phá hoại, làm hư hại hoặc tự ý xê dịch, di chuyển mốc quốc giới, ngăn cản các lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra biên giới.

Điều 10

Hai Bên ký kết có những biện pháp kiên quyết ngăn chặn mọi hành động dẫn đến sự thay đổi đường biên giới trên các sông suối biên giới.

Bên nào vi phạm quy định trên đây gây thiệt hại cho Bên kia phải có trách nhiệm bồi thường thích đáng và phải hủy các công trình đã dẫn đến sự thay đổi đường biên giới, khôi phục lại nguyên trạng đường biên giới.

Điều 11

Mỗi khi phát hiện thấy một đoạn sông suối biên giới đổi dòng làm ảnh hưởng đến đường biên giới giữa hai nước, các đồn Biên phòng gần nhau làm biên bản chung, có chữ ký của Đồn trưởng đồn Biên phòng hai Bên xác nhận việc đổi dòng và nguyên nhân của nó để báo cáo lên cấp trên của mỗi Bên.

Chương thứ hai

VIỆC QUI LỊ BIÊN GIỚI

Điều 12

Hai Bên ký kết nhất trí rằng "khu vực biên giới" nói trong Hiệp định này là khu vực bao gồm các xã hoặc đơn vị hành chính tương đương của Việt Nam và các bản hoặc đơn vị hành chính tương đương của Lào tiếp giáp với đường biên giới quốc gia giữa hai nước nhằm làm cho việc qua lại biên giới của công dân cư trú trong khu vực biên giới của hai Bên được thuận tiện, đáp ứng nhu cầu đời sống hàng ngày của họ và bảo đảm an ninh cho mỗi khu vực biên giới.

Hai Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau biết danh sách các xã, bản hoặc đơn vị hành chính tương đương nói trên và nói rõ thuộc huyện, tỉnh nào.

Điều 13

Công dân cư trú trong khu vực biên giới của mỗi bên từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên được nhà đương cục có thẩm quyền của nước mình cấp một giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận có ~~h~~ hiệu riêng gọi là giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận biên giới để phân biệt với công dân cư trú ngoài khu vực biên giới. Hai Bên ký kết thông báo cho nhau biết ký hiệu của giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận đó.

Điều 14

a) Công dân cư trú trong khu vực biên giới bên này được sang các xã, bản tiếp giáp và lân cận thuộc khu vực biên giới bên kia để mua bán, trao đổi hàng hoá cần thiết cho đời sống hàng ngày, cho sản xuất, thăm viếng người thân, xem phim, xem biểu diễn văn nghệ.

b) Hai Bên ký kết quy định thể thức, đơn vị, giá trị và số lượng hàng và tiền tệ mà công dân ở khu vực biên giới mỗi Bên được phép mang qua biên giới theo khoản a) điều này.

Điều 15

a) Khi có dịch bệnh với người, vật nuôi, cây trồng ở trong khu vực biên giới một Bên, chính quyền địa phương bên đó phải có biện pháp phòng chống kịp thời ; đồng thời báo ngay cho chính quyền địa phương Bên kia biết. Nếu được yêu cầu, Bên kia sẽ tích cực và kịp thời giúp đỡ với mọi khả năng của mình.

b) Trong thời gian có dịch bệnh với người phải tạm ngừng việc qua lại khu vực biên giới có dịch bệnh.

Khi có vật nuôi, cây trồng nào bị dịch bệnh phải tạm ngừng việc mua bán, di chuyển qua biên giới vật nuôi, cây trồng đó.

c) Việc tạm ngừng qua lại biên giới cũng như việc tạm ngừng mua bán, di chuyển vật nuôi, cây trồng trong phạm vi xã, bản biên giới hoặc đơn vị hành chính tương đương do chính quyền nơi đó quyết định và báo cáo ngay lên cấp trên của mình.

Việc tạm ngừng qua lại tại các cửa khẩu chính ghi trong điều 18 của Hiệp định này do Chính phủ mỗi Bên ký kết quyết định và thông báo cho Bên kia.

#### Điều 16

Công dân của một Bên ở khu vực biên giới bị bệnh hoặc tai nạn có thể trực tiếp liên hệ với cơ sở y tế của Bên kia nhờ giúp đỡ cứu chữa ; sau đó báo cho chính quyền phía Bên mình biết để liên hệ làm thủ tục cần thiết với chính quyền Bên kia.

#### Điều 17

a) Mỗi Bên ký kết giáo dục nhân dân ở khu vực biên giới Bên mình tránh không để gia súc sang khu vực biên giới Bên kia phá hoại hoa màu. Trường hợp gia súc phá hoại hoa màu, người chủ gia súc đó phải bồi thường thích đáng theo sự thỏa thuận của các bên đương sự.

b) Khi có gia súc ở khu vực biên giới Bên kia sang khu vực biên giới Bên này, nhà chức trách và công dân Bên này giữ lại và trông nom giúp, đồng thời báo ngay cho nhà chức trách Bên kia về chủ gia súc biết để sang nhận và chủ gia súc phải trả tiền công trông nom gia súc đó. Trong lúc gia súc còn dưới sự quản lý của mình, cấm bắt gia súc đó làm việc hoặc đánh đập làm cho gia súc đó bị thương hoặc bị chết ; nếu cố tình làm cho gia súc bị thương hoặc bị chết, người trông nom phải bồi thường thích đáng.

c) Nếu các đương sự không thể tự giải quyết được, chính quyền địa phương hai Bên giúp đỡ họ giải quyết trên tinh thần hữu nghị anh em.



Điều 18

Hai Bên ký kết thỏa thuận mở 8 cửa khẩu chính trên các đường bộ sau đây :

a) Tên cửa khẩu phía Việt Nam	Đường qua biên giới	Tên cửa khẩu phía Lào
Tây Cheng	Đường 42	Xốp Hun
Pa Háng	Đường 43	Bốp Bâu
Ne Mèo	Đường 217	Bản Lợi
Nậm Cắn	Đường 7	Nậm Cắn
Keo Nưa	Đường 8	Keo Nưa (Ne Pe)
Cha Lo (đèo Mụ Gia)	Đường 12	Thông Khảm
Lao Bào	Đường 9	Huội Ka Ky (Bản A. Lôn)
Bờ Y	Đường 18	Gieng Giôn

b) Ở những nơi xa các cửa khẩu nói ở khoản e) điều này, nếu xét thấy cần thiết, chính quyền cấp tỉnh hai Bên có thể thỏa thuận mở thêm những cửa khẩu phụ để thuận tiện cho công dân trú ở khu vực biên giới qua lại. Việc kiểm soát qua lại biên giới ở cửa khẩu phụ phải theo nguyên tắc kiểm soát chung.

Điều 19

Công dân của hai Bên ký kết khi qua lại biên giới phải tuân theo những quy định sau đây :

e) Công dân cư trú trong khu vực biên giới của mỗi Bên ký kết đi sang khu vực biên giới của Bên kia với mục đích nêu trong điều 14 của Hiệp định này phải có giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận như qui định ở điều 13 của Hiệp định này. Nếu đương sự muốn lưu lại khu vực biên giới nơi đến quá 7 (bảy) ngày thì phải xin giấy phép của chính quyền xã, bản nơi mình cư trú hoặc đồn Biên phòng gần nhất bên mình. Thời hạn của giấy phép không quá 20 (hai mươi) ngày, nhưng có thể được chính quyền địa phương nơi đến gia hạn thêm không quá 15 ngày.

Những người dưới 15 (mười lăm) tuổi chưa có giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận biên giới được đi sang khu vực biên giới Bên kia với điều kiện là đi kèm với người có giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận biên giới.

Đương sự phải xuất trình giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận biên giới và giấy phép cho đồn Biên phòng hoặc chính quyền xã, bản nơi đến.

b) Công dân của Bên ký kết này khi xuất, nhập cảnh lãnh thổ của Bên ký kết kia phải tuân theo các quy định có liên quan của mỗi Bên ký kết và các quy định đã được hai Bên thỏa thuận.

c) Hàng hoá, vật tư, thiết bị (trừ các loại hàng được phép mua, bán, trao đổi theo quy định của điều 14 Hiệp định này) và các loại phương tiện vận chuyển nhập cảnh, xuất cảnh phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ của các cơ quan hữu quan, phải tuân theo luật lệ hải quan, kiểm dịch và luật lệ liên quan khác của mỗi Bên.

#### Điều 20

Việc kiểm soát qua lại biên giới quy định như sau :

a) Người, hành lý, hàng hoá, phương tiện vận chuyển chỉ được qua lại biên giới của hai Bên ký kết khi có đủ giấy tờ hợp lệ như điều 19 Hiệp định này quy định và phải qua đúng cửa khẩu đã được phép. Đương sự phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành và các giấy tờ cần thiết khác cho nhà chức trách và tạo điều kiện thuận lợi cho họ làm nhiệm vụ kiểm soát tại cửa khẩu.

b) Hai Bên ký kết sẽ thỏa thuận quy định những trường hợp đặc biệt được miễn thủ tục hải quan.

Điều 21

a) Trường hợp có công dân cư trú trong khu vực biên giới Bên này xin đi cư sang khu vực biên giới Bên kia, nếu thấy nguyện vọng của họ là chính đáng, thì chính quyền cấp tỉnh của đương sự bàn bạc với chính quyền cấp tỉnh phía Bên kia nếu được sự chấp nhận của chính quyền cấp tỉnh phía Bên kia mới cho phép đi cư.

b) Khi một Bên thấy công dân Bên kia tự tiện đi cư qua khu vực biên giới Bên mình thì phải báo cho Bên kia biết để chính quyền cấp tỉnh hai Bên bàn bạc giải quyết trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và pháp luật của mỗi Bên.

Chương thứ ba

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG SÔNG SUỐI BIÊN GIỚI, BẢO VỆ  
RỪNG, SAN BÀN, KHAI KHOẢNG VÀ GIỮ GIÌN AN NINH  
TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI

-----

Điều 22

Sông suối biên giới là những sông suối có đường biên giới đi giữa lạch sâu nhất vào lúc mức nước thấp nhất (nếu là sông suối tàu thuyền đi lại được) hoặc giữa sông suối (nếu là sông suối tàu thuyền không đi lại được).

Trong việc khai thác sử dụng các sông suối biên giới, mỗi Bên ký kết vẫn áp dụng những biện pháp cần thiết bảo đảm tôn trọng lợi ích của cả hai Bên.

Điều 23

a) Công dân cư trú hai bên bờ sông suối biên giới được sử dụng nước sông suối để đáp ứng các nhu cầu về sinh hoạt, sản xuất và giao thông.

b) Việc làm các công trình thủy lợi, thủy điện và các công trình khác cỡ nhỏ trên các sông suối biên giới phải được phép của chính quyền cấp tỉnh hữu quen của hai Bên ký

kết trên cơ sở tôn trọng lợi ích của cả hai Bên ký kết và tránh không được làm thay đổi dòng chảy và ô nhiễm môi trường của các sông suối đó.

c) Việc xây dựng những công trình thủy lợi, thủy điện và các công trình khác cỡ vừa hoặc lớn trên các sông suối biên giới, kể cả các công trình xa đường biên giới nhưng có ảnh hưởng trực tiếp đến lưu lượng nước và môi trường của các sông suối đó, phải được Chính phủ hai Bên ký kết thỏa thuận.

d) Hai Bên ký kết có những biện pháp bảo vệ môi trường các sông suối biên giới.

Trong việc khai thác nguồn lợi thủy sản trên các sông suối biên giới cấm dùng chất nổ, chất độc hoá học, các loại lá, rễ cây có chất độc và các phương tiện khác có thể làm cho thủy sản chết hàng loạt.

#### Điều 24

a) Đối với cầu biên giới, mỗi bên ký kết quản lý nửa cầu về phía bên mình.

b) Bên ký kết này phải thông báo cho Bên ký kết kia về thời gian và nội dung sửa chữa, bảo dưỡng phần cầu do Bên mình quản lý. Sau khi sửa chữa, bảo dưỡng xong phải thông báo cho Bên kia biết.

Phí tổn đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng phần cầu thuộc Bên nào do Bên đó chịu.

c) Việc xây dựng cầu mới hoặc xây lại cầu cũ bị hư hỏng cần có sự thỏa thuận của hai Bên ký kết về vị trí, hình dáng, kích thước, cấu trúc, trọng tải, thời gian và kinh phí, Hai Bên ký kết cần có sự hợp tác tích cực trong việc xây dựng cầu đó.

Điều 25

a) Cấm công dân ở khu vực biên giới Bên này sang khu vực biên giới Bên kia làm ruộng, rẫy, vườn, săn bắn, đốn cây, khai thác lâm thổ sản, khoáng sản và thủy sản, trừ trường hợp được chính quyền cấp tỉnh hoặc Chính phủ hai Bên cho phép.

b) Việc săn bắn trong khu vực biên giới phải chấp hành theo các quy định có liên quan của mỗi Bên hoặc các thỏa thuận của hai Bên ký kết. Tuyệt đối cấm săn bắn các loại thú quý, hiếm trong khu vực biên giới. Hai Bên ký kết sẽ cùng nhau quy định các loại thú đó.

Điều 26

Hai Bên ký kết tăng cường hợp tác bảo vệ rừng và có những biện pháp ngăn cấm mọi hành động gây hại cho rừng trong khu vực biên giới. Khi một Bên bị sâu bệnh phá hoại hoa màu, cây cối hoặc bị cháy rừng Bên đó phải nhanh chóng diệt trừ sâu bệnh hoặc dập tắt đám cháy, đồng thời báo cho chính quyền xã, bản hoặc đồn Biên phòng nơi gần nhất Bên kia biết để kịp thời có biện pháp phòng ngừa. Nếu được yêu cầu, Bên kia cần tích cực và kịp thời giúp đỡ với mọi khả năng của mình.

Điều 27

a) Việc thăm dò địa chất và khai khoáng của mỗi Bên ký kết trong khu vực biên giới chỉ được tiến hành trên lãnh thổ phía Bên mình. Nếu việc thăm dò địa chất và khai khoáng đó có ảnh hưởng đến đường biên giới giữa hai nước và tài nguyên của Bên kia thì phải được sự thỏa thuận trước của Bên đó trên cơ sở tôn trọng lợi ích của nhau.

b) Khi một Bên tiến hành khảo sát bằng việc dùng máy bay chụp ảnh từ trên không ở khu vực biên giới của mình cần thông báo cho Bên kia biết trước. Nếu cần bay qua đường biên giới hoặc chụp ảnh khu vực biên giới của bên kia thì phải được sự đồng ý trước của Bên kia thông qua đường ngoại giao.

Điều 28

e) Hai Bên ký kết hợp tác chặt chẽ giữ gìn an ninh khu vực biên giới giữa hai nước, ngăn ngừa và dập tắt mọi hành động xâm phạm an ninh quốc gia, ngăn chặn buôn lậu.

b) Khi một Bên phát hiện hoạt động của biệt kích, gián điệp và các phần tử xấu khác trong khu vực biên giới cần kịp thời thông báo phía Bên kia biết và phối hợp hoạt động truy quét.

c) Công dân của một Bên phạm tội hình sự và bị bắt trong khu vực biên giới của Bên kia thì bên bắt giữ tiến hành xét xử theo luật pháp luật của mình ; sau khi xét xử xong trao trả đương sự cùng hồ sơ vụ án và tư trang của đương sự nếu có cho bên kia.

d) Cấm bắn súng và ném chất nổ qua bên kia biên giới. Nếu một Bên muốn nổ mìn và luyện tập quân sự trong khu vực biên giới cần thông báo trước cho Bên kia biết.

e) Mỗi Bên ký kết có nghĩa vụ bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của những công dân thuộc khu vực biên giới Bên kia sang khu vực biên giới Bên mình một cách hợp pháp. Trường hợp họ gặp tai nạn cần tích cực và kịp thời giúp đỡ ; đồng thời xác minh nguyên nhân tai nạn và thông báo ngay cho chính quyền Bên kia biết.

g) Khi phát hiện thấy xác chết ở khu vực biên giới mà không rõ người chết là người của Bên nào, Bên phát hiện phải thông báo ngay cho phía Bên kia biết để cùng nhau xác minh. Nếu người chết là người của Bên nào thì Bên đó chôn cất.

Sau hai mươi bốn giờ kể từ khi thông báo, nếu Bên kia không đến thì Bên phát hiện làm các thủ tục cần thiết và được phép chôn cất.

Điều 29

Mỗi Bên ký kết xử lý thích đáng theo pháp luật của Bên mình những người có hành động vi phạm quy chế biên giới.

Đối với những người vi phạm quy chế qua lại biên giới, nếu là công dân của Bên nào thì trao cho Bên đó xử lý, trừ những trường hợp phạm pháp về hình sự.

Khi giao nhận người vi phạm nói trên cần làm biên bản ghi nhận hành động vi phạm của họ ; về tang vật thì xử lý theo pháp luật của Bên bắt giữ.

Chương thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH VỀ QUY CHẾ BIÊN GIỚI

Điều 30

Trong việc quản lý đường biên giới và bảo quản các mốc quốc giới, các đơn Biên phòng hai Bên có nhiệm vụ :

a) Tổ chức quản lý đoạn biên giới và bảo quản các mốc quốc giới do đơn mình phụ trách.

b) Phát hiện những hiện tượng thay đổi về đường biên giới trên thực địa, ngăn chặn kịp thời những hành động phá hoại, di chuyển mốc quốc giới, phát hiện những mốc quốc giới bị phá hoại, bị hư hại, bị di chuyển và những hiện tượng không bình thường khác, kịp thời thông báo cho đơn đối diện biết và làm biên bản chung báo cáo lên cấp trên của mỗi Bên sau khi cùng xem xét hiện trường.

c) Tiến hành kiểm tra liên hợp định kỳ mỗi năm ít nhất một lần ; thời gian kiểm tra định kỳ do các đơn có trách nhiệm liên đới thỏa thuận.

d) Tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng, khôi phục mốc quốc giới trong phạm vi đơn phụ trách theo kế hoạch của cơ quan biên giới Trung ương.

Điều 31

Đồn trưởng Biên phòng mỗi bên có nhiệm vụ :

a) Quan hệ với Đồn trưởng Biên phòng bên kia trong việc thực hiện những nhiệm vụ và giải quyết những vấn đề trong phạm vi thẩm quyền của mình. Những vấn đề ngoài nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì báo cáo lên cấp trên và chính quyền cấp tỉnh.

b) Tiếp nhận hoặc trao cho Bên kia những người vi phạm quy chế qua lại biên giới nói ở Điều 29 của Hiệp định này.

c) Phối hợp hoạt động với phía Bên kia cùng bảo vệ an ninh khu vực biên giới.

d) Cấp giấy phép cho công dân khu vực biên giới phía Bên mình khi có việc phải qua khu vực biên giới Bên kia theo khoản a) Điều 19 của Hiệp định này.

Điều 32

Chế độ quan hệ làm việc giữa Đồn trưởng Biên phòng hai Bên quy định như sau :

a) Tiến hành họp thường kỳ 3 tháng một lần và họp bất thường nếu cần để giải quyết những công việc đã quy định ở điều 31 của Hiệp định này.

b) Các cuộc họp thường kỳ được tổ chức luân phiên ; họp trên lãnh thổ Bên nào thì Bên đó chịu trách nhiệm về ăn, ở, đi lại, hoạt động và an ninh. Hai Bên thông báo trước cho nhau biết các vấn đề sẽ nêu và thành phần dự họp.

c) Đề nghị họp bất thường của Đồn trưởng Biên phòng cần đưa ra cho Đồn trưởng Biên phòng Bên kia trước 24 giờ và cần được Đồn trưởng Biên phòng Bên kia chấp thuận.



d) Nếu Đồn trưởng một Đồn Biên phòng gặp trở ngại không thể đến họp được, có thể ủy nhiệm Phó trưởng đồn hoặc người đại diện có thẩm quyền khác họp thay nhưng cần báo trước cho Đồn trưởng đồn đối diện biết.

e) Cuộc họp của các Đồn trưởng đồn Biên phòng cần làm biên bản chung ghi rõ thời gian, thành phần, địa điểm, nội dung cuộc họp, những vấn đề hai Bên đã thống nhất giải quyết, những vấn đề chưa giải quyết được. Biên bản làm thành hai bản, mỗi bản bằng hai thứ tiếng Việt Nam và Lào, có chữ ký của Đồn trưởng hai Bên hoặc người được ủy quyền.

### Điều 33

Chính quyền các tỉnh biên giới có nhiệm vụ :

a) Tổ chức phổ biến rộng rãi và thường xuyên nội dung Hiệp định về quy chế biên giới cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh, nhất là trong khu vực biên giới.

b) Chỉ đạo việc quản lý, bảo vệ đường biên giới và bảo quản hệ thống mốc quốc giới trong phạm vi tỉnh mình phụ trách.

c) Chỉ đạo việc kiểm tra đường biên giới và mốc quốc giới, theo kế hoạch do cơ quan Biên giới Trung ương hai Bên thỏa thuận đề ra.

d) Theo dõi tình hình công tác biên giới trong phạm vi tỉnh mình.

e) Liên hệ với đại diện chính quyền cấp tỉnh của tỉnh biên giới Bên kia để giải quyết những sự kiện về biên giới.

g) Báo cáo lên cơ quan Biên giới Trung ương bên mình tình hình thực hiện quy chế biên giới và những vấn đề không giải quyết được hoặc ngoài thẩm quyền của mình. Trong khi chờ ý kiến giải quyết của cấp trên, mỗi Bên cố gắng giữ quan hệ bình thường, không làm cho tình hình phức tạp hơn.

b) Cử ra một thành viên của Ủy ban Nhân dân tỉnh (phía Việt Nam) hay Ủy ban Chính quyền tỉnh (phía Lào) phụ trách theo dõi, chỉ đạo thường xuyên việc thực hiện Hiệp định về quy chế biên giới trong phạm vi tỉnh mình và đại diện cho tỉnh giải quyết các vấn đề về biên giới với tỉnh biên giới Bên kia. Người đại diện này có một Phó và một số chuyên viên giúp việc.

1) Các đại diện chính quyền cấp tỉnh có chung biên giới tiến hành hội nghị khi hai Bên thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của một Bên. Hai Bên sẽ thỏa thuận về thời gian và địa điểm từng hội nghị. Hội nghị tổ chức trên lãnh thổ Bên nào, Bên đó đảm nhiệm chi phí.

Trong các cuộc họp, nếu xét thấy cần thiết, có thể có đại diện các ngành có liên quan và một số chuyên viên tham dự, nhưng cần thông báo trước cho Bên kia. Công việc của các kỳ họp được ghi trong biên bản chung: thời gian, thành phần, địa điểm, nội dung cuộc họp, những vấn đề hai Bên đã thống nhất giải quyết, những vấn đề chưa giải quyết được. Biên bản làm thành hai bản, mỗi bản bằng hai thứ tiếng Việt Nam và Lào có chữ ký của đại diện hai tỉnh.

#### Điều 24

a) Cơ quan Biên giới Trung ương của hai Bên được trao nhiệm vụ trực tiếp quan hệ với nhau để giúp Chính phủ hai Bên chỉ đạo việc thực hiện Hiệp định này.

b) Hai Bên tiến hành hội nghị khi cần thiết hoặc theo đề nghị của một Bên. Hai Bên sẽ thỏa thuận về thời gian và địa điểm hội nghị. Hội nghị tổ chức trên lãnh thổ Bên nào, Bên đó đảm nhiệm chi phí.

Các hội nghị của cơ quan Biên giới Trung ương hai Bên nếu xét thấy cần có thể có đại diện các Bộ, ngành và tỉnh biên giới liên quan cùng các chuyên viên tham dự.

Công việc của mỗi hội nghị của cơ quan Biên giới Trung ương hai Bên được ghi vào biên bản chung, có chữ ký của Trưởng đoàn đại biểu hai Bên.

Chương thứ năm

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 35

a) Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung theo sự thỏa thuận của hai Bên ký kết.

b) Hai Bên ký kết phải giải quyết các bất đồng có liên quan đến việc giải quyết thích và vận dụng Hiệp định này thông qua thương lượng giữa cơ quan Biên giới Trung ương hai Bên ; nếu không giải quyết được thì báo cáo lên hai Chính phủ.

Điều 36

a) Hiệp định này sẽ được phê chuẩn và sẽ có hiệu lực sau 180 ngày kể từ ngày hai Bên trao đổi thư phê chuẩn.

b) Hiệp định này có giá trị trong 10 năm kể từ ngày có hiệu lực và tiếp tục có giá trị thêm từng năm năm một nếu, sáu tháng trước khi Hiệp định hết hạn, không Bên nào thông báo bằng văn bản ý định muốn hủy bỏ Hiệp định.

Điều 37

Kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, Biên bản về Quy chế đầu tiên về Quy chế Biên giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 3 tháng 7 năm 1978 tại Viêng Chăn mặc nhiên không còn giá trị nữa.

Chương thư năm

Làm tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 1 tháng 3 năm 1990  
thành hai bản, mỗi bản bằng hai thứ tiếng Việt Nam và Lào,  
cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MAT

CHÍNH PHỦ CHXHCN VIỆT NAM

Đã ký : Nguyễn Cơ Thạch

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

THAY MAT

CHÍNH PHỦ CHDCND LAO

Đã ký : Phun Xi-pa-xốt

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

PHỤ LỤC

(Kèm theo Hiệp định về Quy chế Biên giới Quốc gia  
giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng  
hòa dân chủ nhân dân Lào)

-----

Toàn tuyến Biên giới Việt Nam - Lào gồm :	214 mốc
- Số đoạn :	19 đoạn
- Mốc đơn :	190 mốc
- Mốc đôi :	3 mốc
- Mốc ba :	6 mốc

-----